



Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
Appendix: XXIV: report on change of net asset value
(Ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: State Securities Commission of Vietnam
Ho Chi Minh city Stock Exchange

1 Tên Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
Management Fund Company name: SSI Asset Management Company Limited
2 Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Supervising bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3 Tên Quỹ: Quỹ ETF SSIAM VNX50
Fund name: SSIAM VNX50 ETF
4 Mã chứng khoán: FUSSV50
Securities symbol:
5 Kỳ báo cáo: Tuần từ 23/4/2021 đến 29/4/2021
(Reporting period): (period: from Apr 23rd 2021 to Apr 29th 2021)
6 Ngày lập báo cáo: 04/05/2021
(Reporting date): 04 May 2021

Đơn vị tính: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 29/04/2021	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 22/04/2021
1	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ per Fund	251.527.122,215	254.865.167,061
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ per lot of Fund Certificate	1.863.163,868	1.887.890,126
1.3	của một chứng chỉ quỹ per Fund Certificate	18.631,63	18.878,90
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ per Fund	257.199.398,929	251.527.122,715
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ per lot of Fund Certificate	1.905.180,732	1.863.163,868
2.3	của một chứng chỉ quỹ per Fund Certificate	19.051,80	18.631,63
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	5.672.276,714	-3.338.044,846
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	5.672.276,714	-3.338.044,846
3.2	Thay đổi GITSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-	-
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	430,17	(247,27)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND) Highest Value (VND)	260.140.782,083	260.140.782,083
5.2	Giá trị thấp nhất (VND) Lowest Value (VND)	143.539.859,106	143.539.859,106
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ	-	-
6.2	Tổng giá trị	-	-
6.3	Tỷ lệ sở hữu	-	-
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	19,300	18,700
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	19,050	19,300
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	(250)	600
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND) Absolute difference (VND)	(1,80)	668,37
	Chênh lệch tương đối (mức chiết khấu (-) /thặng dư (+)) Relative difference (discount(-) premium(+))	-0,01%	3,46%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND) Highest Value (VND)	19,500	19,500
	Giá trị thấp nhất (VND) Lowest Value (VND)	10,400	10,400



Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized representative of Supervisory Bank
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Ngô Thị Thu Cúc
Phó Giám đốc

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorized representative of Fund Management Company



Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC